

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CHỦ THỂ PHẠM TỘI TÀNG TRỪ, VẬN CHUYỂN HÀNG CẤM: BẤT CẬP VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

● NGUYỄN HOÀI CHÂU¹ - LÊ HOÀNG NAM² - NHÂM VĂN TRUNG³

¹Học viên, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

²Giảng viên, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

³Chuyên viên chính, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới, các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế ngày càng gia tăng. Trong đó, tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm là một trong những loại tội phạm có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự quản lý kinh tế, sức khỏe cộng đồng và môi trường kinh doanh. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận và pháp lý về trách nhiệm hình sự đối với chủ thể phạm tội theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời phân tích những bất cập trong quy định và thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm này.

Từ khóa: trách nhiệm hình sự, tàng trữ hàng cấm, vận chuyển hàng cấm.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ và hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế thế giới, hoạt động sản xuất, kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú, kéo theo sự gia tăng các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh tế. Một trong những nhóm tội phạm nổi lên với diễn biến phức tạp, có tính chất tinh vi và tác động tiêu cực đa chiều là các tội phạm liên quan đến hàng cấm, trong đó có “Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm”.

Về phương diện hiến định, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã khẳng định nguyên tắc bảo đảm quyền tự do kinh doanh của “mọi người” tại Điều 33, thể hiện bước tiến quan trọng trong tư duy lập hiến khi chuyển từ mô hình “được làm những gì pháp luật cho phép” sang “được làm những gì pháp luật không cấm”. Tuy nhiên, quyền tự do kinh doanh không phải là quyền tuyệt đối mà luôn bị giới hạn bởi các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích công cộng, trật tự quản lý kinh tế, an ninh quốc gia và an toàn xã hội. Trong hệ thống các công cụ pháp lý để

thực hiện chức năng này, pháp luật hình sự đóng vai trò đặc biệt quan trọng với tư cách là công cụ cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước¹.

Trong khoa học luật hình sự, trách nhiệm hình sự là một dạng của trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội phải gánh chịu, được quy định trong Bộ luật Hình sự, được thể hiện bằng việc bị áp dụng hình phạt trong bản án kết tội của Tòa án, và có thể bị áp dụng biện pháp cưỡng chế khác do Bộ luật Hình sự quy định². Với tính chất là loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất, trách nhiệm hình sự không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn hướng tới mục tiêu giáo dục, phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, góp phần bảo đảm trật tự pháp luật trong xã hội³.

Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm được quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là BLHS) là một trong những tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Hành vi này không chỉ gây thiệt hại về kinh tế, làm thất thu ngân sách nhà nước mà còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng (như thuốc lá lậu, thuốc bảo vệ thực vật cấm), trật tự an toàn xã hội (như pháo nổ), thậm chí có thể liên quan đến các loại tội phạm khác. Đặc biệt, trong điều kiện toàn cầu hóa và phát triển thương mại điện tử, việc vận chuyển, tàng trữ hàng cấm ngày càng trở nên khó kiểm soát, với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi.

Mặc dù BLHS đã có những quy định tương đối cụ thể về trách nhiệm hình sự đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, song thực tiễn áp dụng vẫn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu. Những bất cập có thể kể đến như: khó khăn trong việc phân định giữa các hành vi tàng trữ, vận chuyển và mua bán hàng cấm; vướng mắc trong xác định các yếu tố định lượng và định tính của cấu thành tội phạm; sự thiếu thống nhất trong áp dụng các tình tiết định khung và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; cũng như những hạn chế trong quy định đối với trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại⁴.

Từ những vấn đề nêu trên, việc nghiên cứu một

cách có hệ thống các quy định của pháp luật hiện hành về trách nhiệm hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, đồng thời phân tích những bất cập trong quy định và thực tiễn áp dụng là cần thiết. Trên cơ sở đó, đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm là yêu cầu có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết hiện nay.

2. Trách nhiệm hình sự đối với chủ thể phạm tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm

2.1. Trách nhiệm hình sự đối với cá nhân

Đối với cá nhân, Điều 191 BLHS thiết lập hệ thống các khung hình phạt dựa trên mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, được xác định thông qua các tiêu chí định lượng (giá trị, số lượng hàng cấm), cũng như các yếu tố định tính (tính chất tổ chức, chuyên nghiệp, tái phạm,...).

Trước hết, khung hình phạt cơ bản (khoản 1 Điều 191 BLHS) áp dụng đối với các trường hợp phạm tội có tính chất ít nghiêm trọng. Theo đó, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Khung này được xác định dựa trên các ngưỡng định lượng cụ thể đối với từng loại hàng cấm như: thuốc bảo vệ thực vật bị cấm; thuốc lá điều nhập lậu; pháo nổ; hoặc các loại hàng hóa khác bị cấm kinh doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng. Đồng thời, pháp luật cũng quy định trường hợp tái phạm hành chính hoặc tái phạm chưa được xóa án tích đối với các hành vi tương tự thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự, mặc dù chưa đạt ngưỡng định lượng, nhằm bảo đảm tính răn đe và phòng ngừa.

Tiếp theo, khung hình phạt tăng nặng thứ nhất (khoản 2 Điều 191 BLHS) áp dụng đối với các trường hợp có mức độ nguy hiểm cao hơn. Mức hình phạt được nâng lên với phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm. Các tình tiết định khung trong trường hợp này bao gồm cả yếu tố định lượng (tăng về số lượng, giá trị hàng hóa) và yếu tố định tính như: phạm tội có tổ chức, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức, phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tái phạm nguy hiểm hoặc thực hiện

hành vi vận chuyển qua biên giới (trừ một số trường hợp cụ thể).

Ở mức độ nghiêm trọng hơn, khung hình phạt tăng nặng thứ hai (khoản 3 Điều 191 BLHS) quy định mức phạt tù từ 05 năm đến 10 năm đối với các hành vi có quy mô lớn hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Các tiêu chí xác định chủ yếu dựa trên giá trị hoặc số lượng hàng cấm vượt ngưỡng cao, thể hiện mức độ nguy hiểm đặc biệt của hành vi đối với trật tự quản lý kinh tế và xã hội.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung (khoản 4 Điều 191 BLHS) như phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Đây là các biện pháp mang tính phòng ngừa đặc biệt, nhằm hạn chế khả năng tái phạm và bảo đảm hiệu quả của việc xử lý hình sự.

Nhìn chung, hệ thống hình phạt đối với cá nhân được thiết kế theo hướng phân hóa rõ ràng, bảo đảm nguyên tắc tương xứng giữa tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi với hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện.

2.2. Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại

Bên cạnh cá nhân, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã lần đầu tiên ghi nhận chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, đánh dấu bước phát triển quan trọng trong tư duy lập pháp hình sự ở Việt Nam. Theo đó, pháp nhân thương mại cũng có thể trở thành chủ thể của tội phạm nếu đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 75 và Điều 76 BLHS.

Đối với tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm, pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự khi hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Cơ chế này phản ánh thực tiễn, nhiều hành vi vi phạm trong lĩnh vực kinh tế được thực hiện thông qua tổ chức, với quy mô và mức độ ảnh hưởng lớn hơn so với hành vi của cá nhân đơn lẻ.

Về hình phạt, Điều 191 BLHS quy định hệ thống chế tài đối với pháp nhân thương mại theo hướng tăng nặng hơn so với cá nhân, phù hợp với tính chất tổ chức và năng lực tài chính của chủ thể này. Cụ thể: Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với các trường hợp tương ứng với khung cơ bản áp dụng cho cá nhân; Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng đối với các trường hợp thuộc khung tăng nặng thứ nhất; Phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm đối với các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với các trường hợp quy định tại Điều 79 BLHS, như khi pháp nhân được thành lập nhằm mục đích thực hiện tội phạm hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng mà không có khả năng khắc phục.

Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị áp dụng các hình phạt bổ sung như phạt tiền, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn trong thời hạn nhất định.

Việc quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại không loại trừ trách nhiệm hình sự của cá nhân có liên quan. Nguyên tắc này bảo đảm tính công bằng và toàn diện trong xử lý tội phạm, đồng thời phản ánh đúng bản chất của hành vi phạm tội trong lĩnh vực kinh tế, nơi mà hành vi vi phạm thường gắn liền với cả tổ chức và cá nhân cụ thể.

3. Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm pháp lý đối với chủ thể phạm tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm

3.1. Một số bất cập

Thứ nhất, bất cập trong xác định khung hình phạt khi hành vi phạm tội đồng thời thuộc nhiều trường hợp định khung khác nhau

Điều 191 BLHS được xây dựng theo hướng phân hóa trách nhiệm hình sự thông qua hệ thống các khung hình phạt dựa trên sự kết hợp giữa dấu hiệu định lượng và định tính. Tuy nhiên, quy định này chưa giải quyết triệt để tình huống người phạm tội, đồng thời thỏa mãn nhiều dấu hiệu định khung thuộc các khoản khác nhau, dẫn đến khoảng trống trong việc lựa chọn và áp dụng khung hình phạt.

Về nguyên tắc, khi hành vi phạm tội đồng thời thuộc nhiều trường hợp định khung, cần áp dụng khung hình phạt phản ánh đầy đủ hơn mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, tức là ưu tiên khung cao hơn⁵. Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi không chỉ nằm ở việc lựa chọn khung hình phạt, mà còn ở cách xử lý các tình tiết còn lại sau khi đã xác định khung. Nếu các tình tiết thuộc khung thấp hơn không được sử dụng để định khung, thì về bản chất, vẫn phản ánh mức độ nguy hiểm tăng thêm của hành vi và cần được xem xét trong quá trình cá thể hóa hình phạt.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có cơ chế rõ ràng để xử lý tình huống này, đặc biệt là sự thiếu liên kết giữa quy định tại Điều 191 và Điều 52 BLHS. Điểm bất hợp lý nổi bật là tình tiết “lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức”, mặc dù được xem là dấu hiệu làm tăng mức độ nguy hiểm của hành vi, nhưng lại không được ghi nhận là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Điều này dẫn đến việc cùng một hành vi có mức độ nguy hiểm cao hơn nhưng không được phản ánh tương xứng trong quyết định hình phạt, làm suy giảm hiệu lực của nguyên tắc công bằng và cá thể hóa trách nhiệm hình sự.

Ở góc độ rộng hơn, bất cập này còn thể hiện sự thiếu thống nhất giữa phần chung và phần các tội phạm cụ thể của BLHS⁶. Khi một tình tiết vừa có vai trò định khung ở nhiều điều luật, nhưng lại không được thừa nhận trong hệ thống tình tiết tăng nặng chung, sẽ làm gián đoạn logic nội tại của hệ thống pháp luật hình sự.

Ngoài ra, việc chưa có hướng dẫn chính thức về nội hàm của tình tiết “lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức” cũng làm phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau trong thực tiễn, đặc biệt trong việc xác định phạm vi chủ thể và hình thức “lợi dụng”. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tính thống nhất trong áp dụng pháp luật và làm giảm khả năng dự đoán của quy phạm hình sự.

Thứ hai, bất cập trong phân định hành vi khách quan và cấu trúc tội phạm

Điều 191 BLHS quy định đồng thời hai hành vi “tàng trữ” và “vận chuyển” trong cùng một cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, xét về phương diện lý luận hình

sự, 2 hành vi này có sự khác biệt đáng kể về bản chất pháp lý và mức độ nguy hiểm cho xã hội.

Hành vi tàng trữ mang tính chất thụ động, chủ yếu thể hiện ở việc duy trì trạng thái tồn tại của hàng cấm trong một không gian nhất định. Trong khi đó, hành vi vận chuyển mang tính chủ động, làm phát sinh sự dịch chuyển hàng cấm, qua đó làm gia tăng khả năng lan rộng của hành vi vi phạm và nguy cơ xâm hại đến nhiều khách thể khác nhau⁷. Do đó, việc đặt 2 hành vi này trong cùng một cấu thành tội phạm với hệ thống khung hình phạt tương đồng là chưa phản ánh đầy đủ nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, pháp luật hiện hành chưa coi yếu tố mục đích phạm tội là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm tại Điều 191, trong khi đây lại là tiêu chí quan trọng để phân biệt với tội sản xuất, buôn bán hàng cấm theo Điều 190 BLHS. Trên thực tế, hành vi tàng trữ hoặc vận chuyển nhằm mục đích mua bán có mức độ nguy hiểm cao hơn đáng kể so với trường hợp chỉ nhằm cất giữ hoặc sử dụng, bởi nó gắn liền với khả năng phát tán hàng cấm ra thị trường.

Sự thiếu vắng tiêu chí phân định này dẫn đến nguy cơ đánh đồng các hành vi có bản chất khác nhau, từ đó làm giảm hiệu quả của việc phân hóa trách nhiệm hình sự. Đồng thời, trong các trường hợp người phạm tội thực hiện đồng thời nhiều hành vi (tàng trữ và vận chuyển) hoặc liên quan đến nhiều loại hàng cấm, pháp luật cũng chưa có cơ chế xử lý rõ ràng, đặc biệt trong việc xác định định lượng và lựa chọn tội danh phù hợp.

Thứ ba, bất cập trong xác định các dấu hiệu định lượng và khả năng áp dụng trong thực tiễn

Các dấu hiệu định lượng trong Điều 191 BLHS được xây dựng nhằm tạo cơ sở khách quan cho việc định tội và định khung hình phạt. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành chưa bảo đảm tính khả thi trong áp dụng.

Đối với nhóm hàng hóa “chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam”, việc sử dụng tiêu chí giá trị làm căn cứ định lượng gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở định giá. Trong điều

kiện không tồn tại thị trường hợp pháp, việc xác định giá trị hàng hóa trở nên mang tính ước đoán, dễ dẫn đến sai lệch trong đánh giá trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó, quy định về trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm chưa được thiết kế tương thích với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là về thời hạn được coi là chưa bị xử phạt. Điều này tiềm ẩn nguy cơ áp dụng không thống nhất và có thể làm phát sinh tranh chấp trong quá trình tố tụng.

Ngoài ra, đối với các tiêu chí định lượng theo thể tích, pháp luật chưa tính đến yếu tố nồng độ, hàm lượng hoặc mức độ nguy hại của hàng hóa. Điều này dẫn đến việc đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi chưa thật sự chính xác, bởi cùng một thể tích nhưng mức độ tác động đến xã hội có thể khác nhau đáng kể.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện

Từ những bất cập đã phân tích, có thể thấy việc hoàn thiện pháp luật về trách nhiệm hình sự đối với tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm không chỉ dừng lại ở việc sửa đổi quy định cụ thể mà cần được tiếp cận theo hướng tổng thể, bảo đảm tính đồng bộ giữa phần chung và phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự, đồng thời phù hợp với yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh hiện nay.

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung Điều 52 BLHS theo hướng ghi nhận tình tiết “lợi dụng danh nghĩa của cơ quan, tổ chức” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Việc bổ sung này không chỉ nhằm khắc phục khoảng trống pháp lý trong việc xử lý các trường hợp hành vi có mức độ nguy hiểm cao hơn nhưng chưa được phản ánh tương xứng trong quyết định hình phạt, mà còn góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa phần chung và phần các tội phạm cụ thể của Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, cần ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất, trong đó làm rõ nội hàm pháp lý của tình tiết này theo hướng xác định đây là trường hợp người phạm tội lợi dụng uy tín, vị thế hoặc sự tin tưởng gắn với cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi phạm tội, không nhất thiết phải là người đang giữ chức vụ hoặc có quan hệ chính thức với cơ quan, tổ chức đó. Việc làm rõ phạm vi

chủ thể và hình thức biểu hiện của hành vi “lợi dụng” sẽ góp phần hạn chế cách hiểu tùy nghi và nâng cao tính dự đoán của pháp luật.

Thứ hai, cần nghiên cứu điều chỉnh cấu trúc của Điều 191 BLHS theo hướng phân định rõ hành vi tàng trữ và vận chuyển hàng cấm, thậm chí xem xét tách thành 2 tội danh độc lập. Việc tách bạch này có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn, bởi 2 hành vi có tính chất pháp lý và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau. Trong đó, hành vi vận chuyển thường mang tính chủ động, có khả năng mở rộng phạm vi xâm hại, trong khi hành vi tàng trữ mang tính thụ động hơn. Do đó, việc quy định chung trong một điều luật với cùng hệ thống khung hình phạt chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu phân hóa trách nhiệm hình sự. Đồng thời, cần bổ sung rõ dấu hiệu mục đích phạm tội trong cấu thành tội phạm, theo hướng xác định hành vi tàng trữ, vận chuyển hàng cấm tại Điều 191 là hành vi không nhằm mục đích mua bán. Quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc phân biệt với tội sản xuất, buôn bán hàng cấm theo Điều 190 BLHS, qua đó hạn chế tình trạng áp dụng không thống nhất trong thực tiễn. Bên cạnh đó, cũng cần có hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp người phạm tội thực hiện đồng thời nhiều hành vi hoặc liên quan đến nhiều loại hàng cấm, nhằm bảo đảm việc định tội danh và quyết định hình phạt được thực hiện một cách nhất quán.

Thứ ba, cần hoàn thiện các quy định về dấu hiệu định lượng theo hướng tăng tính khả thi và phù hợp với thực tiễn áp dụng. Đối với nhóm hàng hóa “chưa được phép lưu hành, chưa được phép sử dụng tại Việt Nam”, cần xây dựng cơ chế định giá cụ thể, có thể dựa trên các tiêu chí như giá thị trường quốc tế, giá của hàng hóa tương tự hoặc kết luận của cơ quan chuyên môn, đồng thời quy định rõ cách xử lý trong trường hợp không thể định giá được. Bên cạnh đó, cần sửa đổi quy định về trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm theo hướng bảo đảm sự thống nhất với pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là về thời hạn được coi là chưa bị xử phạt. Ngoài ra, đối với các tiêu chí định lượng theo thể tích, cần nghiên cứu bổ sung

yếu tố nồng độ, hàm lượng hoặc mức độ nguy hại thực tế của hàng hóa, bởi đây là những yếu tố phản ánh trực tiếp mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi. Việc chỉ dựa vào số lượng hoặc thể tích thuần túy có thể dẫn đến việc đánh giá chưa chính xác tính chất của hành vi phạm tội.

4. Kết luận

Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm là loại tội phạm có tính chất phức tạp, gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và quá trình hội nhập quốc tế. Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bước đầu xây dựng được cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ để xử lý loại tội phạm này, thông qua hệ thống các dấu hiệu định lượng và khung hình phạt phân hóa.

Tuy nhiên, qua phân tích cho thấy, pháp luật hiện

hành vẫn còn tồn tại một số bất cập, đặc biệt trong việc xác định khung hình phạt, phân định hành vi khách quan và bảo đảm tính khả thi của các tiêu chí định lượng. Những hạn chế này ảnh hưởng đến tính thống nhất và hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ, rõ ràng và phù hợp với thực tiễn là cần thiết, bao gồm: hoàn thiện quy định về tình tiết tăng nặng, phân định rõ hành vi tàng trữ và vận chuyển, bổ sung dấu hiệu mục đích phạm tội và hoàn thiện cơ chế xác định định lượng. Đây là những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm về hàng cấm và bảo đảm trật tự quản lý kinh tế trong bối cảnh hiện nay ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Trần Doãn Hưng, Phạm Đức Anh (2025). Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hình phạt chính không tước tự do. Truy cập tại <https://lsvn.vn/khai-niem-dac-diem-y-nghia-cua-hinh-phat-chinh-khong-tuoc-tu-do-a166417.html>.

²Nguyễn Thị Ngọc Linh (2023). Quy định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm tham nhũng của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Truy cập tại <https://lsvn.vn/quy-dinh-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-toi-pham-tham-nhung-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-1689873064-a133110.html>.

³Trường Đại học Luật Hà Nội (2021). Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung. NXB Công an nhân dân.

⁴Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

⁵Nguyễn Ngọc Hòa (2020). Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB Tư pháp.

⁶Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2022). Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm. NXB Hồng Đức.

⁷Lê Văn Quang (2026). Vương mắc về xác định tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-xac-dinh-toi-tang-tru-van-chuyen-hang-cam14946.html>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Lê Văn Quang (2026). Vương mắc về xác định tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm. Truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-ve-xac-dinh-toi-tang-tru-van-chuyen-hang-cam14946.html>.

Nguyễn Thị Ngọc Linh (2023). Quy định trách nhiệm hình sự đối với tội phạm tham nhũng của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Truy cập tại <https://lsvn.vn/quy-dinh-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-toi-pham-tham-nhung-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-1689873064-a133110.html>.

Nguyễn Ngọc Hòa (2020). Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB Tư pháp.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013). Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
Trần Doãn Hưng, Phạm Đức Anh (2025). Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hình phạt chính không tước tự do. Truy cập tại <https://lsvn.vn/khai-niem-dac-diem-y-nghia-cua-hinh-phat-chinh-khong-tuoc-tu-do-a166417.html>.
Tòa án nhân dân tối cao (2025). Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự.
Trường Đại học Luật Hà Nội (2021). Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần chung. NXB Công an nhân dân.
Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2022). Giáo trình Luật hình sự Việt Nam - Phần các tội phạm. NXB Hồng Đức.

Ngày nhận bài: 23/01/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/02/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 25/02/2026

CRIMINAL LIABILITY FOR THE STORAGE
AND TRANSPORTATION OF PROHIBITED GOODS:
LEGAL GAPS, CHALLENGES
AND IMPROVEMENT RECOMMENDATIONS

● NGUYEN HOAI CHAU¹
● LE HOANG NAM²
● NHAM VAN TRUNG³

¹Student, People’s Police Academy

²Lecturer, People’s Police Academy

³Senior Specialist, People’s Police Academy

ABSTRACT:

Amid Vietnam’s rapid economic growth and deepening integration into the global economy, violations of economic law have become increasingly prevalent. Among these, the offenses of possessing and transporting prohibited goods represent particularly complex forms of criminal activity, with significant adverse impacts on economic order, public health, and the business environment. This study examines the theoretical foundations and legal framework governing criminal liability for such offenses under the 2015 Penal Code (as amended and supplemented in 2017), while also analysing regulatory gaps and challenges in practical enforcement. The findings highlight key deficiencies in both legal provisions and their implementation, thereby providing a basis for understanding the evolving nature of this category of economic crime.

Keywords: criminal liability, prohibited goods, storage of prohibited goods, transportation of prohibited goods.